

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **191/2026/HS- PT**

Ngày: 08/6/2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**;

Ông **Trần Đức Kiên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn T5, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Do có kháng cáo của bị cáo, của người bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

Nguyễn T5, sinh ngày 05/4/1997 tại thành phố Đà Nẵng; Số CCCD: 048097007815, cấp ngày 09 tháng 5 năm 2021; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn V, sinh năm 1965 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1965; Bị cáo hiện chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 06/11/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Lê Thị Xuân P - Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: G T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1963; Địa chỉ: K T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn P1: Luật sư Mai Duy P2 và Luật sư Mai Quốc V1 – Công ty L6, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; Địa chỉ: H N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông P2, ông V1 đều có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Phạm Việt Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: E T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

**** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn V, sinh năm 1965. Vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1965. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn L1, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh V2, sinh năm 1978; Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: A T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1986; Địa chỉ: D N, phường N, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

6. Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1974; Địa chỉ: tổ C, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Bà Huỳnh Ngọc L2, sinh năm 2002; Địa chỉ: K N, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1995; Địa chỉ: I Dũng Sĩ T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

9. Bà Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ D, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

10. Bà Châu Trần Khánh V3, sinh năm 1982; Địa chỉ: B N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ C, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

12. Ông Kiều Đ2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Xuân T2 - Luật sư Công ty L7, Đoàn luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: Lô B đường M, phường Đ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

13. Bà Nguyễn Thùy T3, sinh năm 1986; Địa chỉ: I L, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

14. Ông Trần Xuân Đ3, sinh năm 1992. Vắng mặt.

15. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: A H, phường N, thành phố Đà Nẵng.

16. Bà Nguyễn Kim L3, sinh năm 1997; Địa chỉ: tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tài vay mượn tiền của nhiều người để làm dịch vụ cho vay đáo hạn ngân hàng. Nhưng đến ngày 25/3/2024 và 26/3/2024, Nguyễn T5 bị các đối tượng (chưa rõ lai lịch) lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 5.756.221.750 đồng (năm tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm hai mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng) trên không gian mạng (thực hiện lệnh thanh toán đơn hàng trên ứng dụng Lazada để hưởng hoa hồng) dẫn đến không có khả năng trả nợ. Để có tiền trả nợ, T5 đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác tổng số tiền 5.600.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Nguyễn T5 và ông Trần Văn P1 nhiều lần hợp tác cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên quen biết nhau. Do trước đó, Nguyễn T5 vay tiền của nhiều người nhưng đến hạn không có khả năng trả nợ nên T5 nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn P1 để trả nợ.

Vào ngày 26/3/2024, Nguyễn T5 gọi điện thoại nói dối ông Trần Văn P1 là T5 có khách hàng muốn vay 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) để đáo hạn tại Ngân hàng A, đồng thời T5 cũng nói dối với cha ruột là ông Nguyễn Văn N2 ông V gặp ông Trần Văn P1 ký giấy vay tiền giúp T5 để T5 lấy tiền làm thủ tục gia hạn khoản vay thế chấp nhà, đất của ông V, bà Huỳnh Thị L (cha mẹ ruột của T5) tại Ngân hàng A.

Đến sáng ngày 27/3/2024, T5 nói ông P1 đến quán cà phê trên đường L, phường C, thành phố Đà Nẵng gặp ông Nguyễn Văn Đ4 thỏa thuận cho vay tiền. Tại quán cà phê, ông P1 yêu cầu ông V cung cấp hồ sơ thế chấp nhà, đất cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng thì ông V nói ông P1 liên hệ Nguyễn T5 để thỏa thuận, ông V không rõ. Ông P1 điện thoại cho T5 yêu cầu cung cấp thông tin tài sản đang thế chấp tại ngân hàng thì T5 gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn V, bà Huỳnh Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Thanh V2 qua Zalo cho ông P1 xem và nói 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đang thế chấp tại Ngân hàng A cần vay 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) để đáo hạn. Ông P1 tin tưởng nên chuyển khoản ngân hàng 8 lần, mỗi lần 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngày chín trăm chín mươi chín đồng) từ số tài khoản 563979796789 Ngân hàng P4 chi nhánh Đ5 vào số tài khoản ngân hàng số 1211013594081 của ông Nguyễn Văn M tại Ngân hàng A.

Sau khi ông P1 chuyển tổng số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) vào tài khoản thì ông V viết và ký 01 giấy mượn tiền ghi ngày 27/3/2024 giao cho ông P1 giữ với nội dung vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng A, thời hạn cho vay là 03

ngày từ 27/3/2024 đến ngày 29/3/2024. Thỏa thuận bằng miệng giữa ông P1 và Nguyễn T5 về lãi suất tiền vay là 0,15%/1 ngày.

Sau khi nhận tiền, T5 yêu cầu ông V mang điện thoại di động đến Ngân hàng A (nơi T5 đang làm việc) để T5 làm thủ tục chuyển tiền đáo hạn ngân hàng. T5 không sử dụng tiền để đáo hạn ngân hàng cho ông V mà thực hiện lệnh chuyển tiền 2.800.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm triệu đồng) vào số tài khoản ngân hàng của anh Nguyễn L1 (Anh em sinh đôi của T5) để trả nợ cho Nguyễn L1, chuyển 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) vào số tài khoản của Nguyễn Thị Thanh H để trả nợ cho anh Phạm Việt Đ.

Đến ngày 30/3/2024, ông P1 chưa thấy ông V và T5 trả nợ nên nhiều lần hỏi thúc thì T5 trả cho ông Trần Văn P1 số tiền lãi 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Sau đó, T5 không trả cho ông P1 thêm khoản tiền nào.

Vụ thứ hai: Vào năm 2023, Nguyễn T5 và ông Phạm Việt Đ nhiều lần vay mượn tiền với nhau để làm dịch vụ cho vay đáo hạn ngân hàng nên quen biết.

Ngày 15/04/2024, Nguyễn T5 cần tiền để trả nợ nên nói dối ông Phạm Việt Đ là T5 cần vay số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng cho khách hàng là bà Huỳnh Thị Kim T. Để ông Đức tin T4, T5 làm giả một “*Giấy cho mượn tiền*” đứng tên, ký tên bà Huỳnh Thị Kim T vay số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng), soạn thảo trên máy tính một bản phê duyệt tín dụng giả của Ngân hàng A phê duyệt cho bà Huỳnh Thị Kim T vay số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) rồi chụp ảnh màn hình máy tính gửi qua Zalo cho ông Đ xem. T5 yêu cầu ông Đ chuyển số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) vào số tài khoản 0935043693 đứng tên bà Huỳnh Thị Kim T mở tại Ngân hàng A để T5 làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho bà T. Đồng thời, T5 cũng nói dối bà Huỳnh Thị Kim T (dì ruột của T5) là nhờ tài khoản ngân hàng của bà T để nhận, chuyển tiền giúp khách hàng của T5 thì bà T đồng ý. Do ông Đ không có đủ tiền nên chỉ đồng ý cho vay 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Ông Đ đã nhờ bà Nguyễn Thị Thanh H chuyển khoản số tiền 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) vào số tài khoản số 0935043693 đứng tên bà Huỳnh Thị Kim T mở tại Ngân hàng A chi nhánh Đ5 trong ngày 15/4/2024.

Ngay sau khi ông Đ chuyển tiền, T5 gọi điện thoại yêu cầu bà T chuyển số tiền vào tài khoản ngân hàng khác theo yêu cầu của T5 nhưng bà T không biết thao tác chuyển tiền trên ứng dụng điện thoại nên nhờ con gái là Huỳnh Ngọc L2 thực hiện việc chuyển tiền theo yêu cầu của T5. T5 đã yêu cầu L2 chuyển 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) vào số tài khoản 0793362636 của Lê Văn Đ1 mở tại Ngân hàng A chi nhánh Đ5 để trả nợ cho Lê Văn Đ1; yêu cầu L2 chuyển 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) vào số tài khoản 0071099999999 đứng tên Nguyễn Thị Xuân N rồi T5 nhờ N chuyển trả số tiền này vào tài khoản ngân hàng số 0906542270 của T5 mở tại Ngân hàng M1. Sau đó, T5 chuyển số tiền

900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) vào số tài khoản của Nguyễn L1 để trả nợ.

Sau đó, ông Đ1 phát hiện T5 lừa đảo chiếm đoạt tiền nên yêu cầu T5 trả tiền thì Nguyễn T5 đã trả cho ông Đ1 nhiều lần tổng số tiền 743.000.000đ (bảy trăm bốn mươi ba triệu đồng), còn lại số tiền 857.000.000đ (tám trăm năm mươi bảy triệu đồng) T5 không trả được.

Kết luận giám định số 783/KL-KTHS ngày 27/9/2024 của Phòng K Công an thành phố Đ xác định trên 01 (một) “Giấy mượn tiền” đề ngày 27/03/2024 có chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn V, Nguyễn T5.

Kết luận giám định số 1136/KL-KTHS ngày 23/10/2025 của Phòng K Công an thành phố Đ xác định phần chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Thị Kim T trên 01 (một) “GIẤY CHO MƯỢN TIỀN” đề ngày 15/4/2024 không phải chữ ký, chữ viết của bà Huỳnh Thị Kim T.

Kết luận giám định số 1186/KL-KTHS ngày 31/10/2025 của Phòng K Công an thành phố Đ xác định phần chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn T5 trên 01 (một) “GIẤY CHO MƯỢN TIỀN” đề ngày 08/4/2024 là chữ ký, chữ viết của Nguyễn T5.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn T5 phạm tội: ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”***.
2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn T5 **14 (mười bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 06/11/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn T5 phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Trần Văn P1 780.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm bồi thường thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự;
4.1 Buộc các cá nhân sau đây phải nộp lại số tiền (đã nhận từ bị cáo Nguyễn T5) tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Nguyễn T5 đối với bị hại ông Trần Văn P1:

- Ông Nguyễn L1 phải nộp lại số tiền 1.500.000.000 đồng.
- Ông Lê Văn Đ1 phải nộp lại số tiền 500.000.000 đồng.
- Ông Phạm Việt Đ phải nộp lại số tiền 1.200.000.000 đồng.

Bị hại ông Trần Văn P1 được nhận lại số tiền 3.200.000.000 mà các cá nhân nêu trên phải có nghĩa vụ nộp lại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4.2 Buộc các cá nhân sau đây phải nộp lại số tiền (đã nhận từ bị cáo Nguyễn T5) tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Nguyễn T5 đối với bị hại ông Phạm Việt Đ:

- Ông Lê Văn Đ1 phải nộp lại số tiền 700.000.000 đồng.
- Ông Kiều Đ2 phải nộp lại số tiền 900.000.000 đồng.

Bị hại Phạm Việt Đ được nhận lại số tiền số tiền 857.000.000 mà ông Nguyễn L1 và ông Kiều Đ2 phải có nghĩa vụ nộp lại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Số tiền còn lại 1.600.000.000 đồng - 857.000.000 đồng = 743.000.000 đồng, cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Tài .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10/02/2026, bị cáo Nguyễn T5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 06/02/2026, người bị hại ông Trần Văn P1 kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử lại nhằm không bỏ lọt tội phạm, đảm bảo việc xem xét đầy đủ và khách quan các tình tiết của vụ án.

- Ngày 04/02/2026, người bị hại ông Phạm Việt Đ kháng cáo về phần dân sự trong bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét không buộc ông phải nộp lại số tiền 1.200.000.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên; trong trường hợp bắt buộc vẫn phải giao nộp thì đề nghị xem xét tuyên buộc bị cáo Nguyễn T5 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho ông.

- Ngày 03/3/2026, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 kháng cáo về phần dân sự trong bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét không buộc ông phải nộp lại số tiền 1.200.000.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên; trong trường hợp bắt buộc vẫn phải giao nộp thì đề nghị xem xét tuyên buộc bị cáo Nguyễn T5 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho ông.

- Ngày 28/02/2026, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Kiều Đ2 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc ông phải giao lại số tiền 900.000.000đ. Ông cho rằng, ngày 03/4/2024, ông được ông Nguyễn T5, là nhân viên Ngân hàng A giới thiệu ra đáo hạn khoản vay của ông Nguyễn L1 là 01 tỷ đồng và đến ngày 08/4/2024 có giải ngân khoản vay của ông L1. Việc giao dịch vay mượn để làm đáo hạn, việc ông L1 đã mượn tiền của ông là hoàn toàn đúng theo thoả thuận. Ông đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Nguyễn L1 phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận từ bị cáo Nguyễn T5 cho các bị hại.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn T5 tự nguyện rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Người bị hại ông Trần Văn P1 và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, huỷ án sơ thẩm để

điều tra lại vụ án để xử lý ông Nguyễn Văn V4 vai trò đồng phạm với bị cáo T5, đồng thời xem xét việc ông Nguyễn Văn B nhà nhằm tẩu tán tài sản.

- Người bị hại ông Phạm Việt Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo không buộc ông phải nộp lại số tiền 1.200.000.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên; trong trường hợp bắt buộc vẫn phải giao nộp thì đề nghị xem xét tuyên buộc bị cáo Nguyễn T5 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo không buộc ông phải nộp lại số tiền 1.200.000.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên; trong trường hợp bắt buộc vẫn phải giao nộp thì đề nghị xem xét tuyên buộc bị cáo Nguyễn T5 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiều Đ2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ2 cho rằng dòng tiền bị cáo T5 lừa ông Phạm Việt Đ, sau khi bà Huỳnh Thị Kim T chuyển cho bà Nguyễn Thị Xuân N thì bà N đã chuyển vào tài khoản khác của mình tại Ngân hàng M2; sau đó bà N vay lại tiền bằng một hợp đồng khác để chuyển cho T5, L1 để chuyển cho ông Đ2; đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra lại để đưa Ngân hàng M2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xác định giao dịch giữa ông L1 và ông Đ2 chỉ là giao dịch dân sự trả nợ đơn thuần.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng:

- + Do bị cáo Nguyễn T5 đã rút đơn kháng cáo nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

- + Đối với kháng cáo của bị hại Trần Văn P1 đề nghị xem xét hành vi của ông Nguyễn Văn L4 người trực tiếp viết giấy vay tiền 4 tỷ đồng của ông P1. Tuy nhiên quá trình điều tra thể hiện ông V bị T5 đưa ra thông tin gian dối để nhờ mượn tiền đáo hạn ngân hàng. Ông V là cha đã tin tưởng T5 và viết giấy chứ không biết mục đích của T5 lừa dối để chiếm đoạt tài sản của ông P1. Do vậy ông V không cùng ý chí, mục đích với T5, nên cơ quan tiến hành tố tụng không quy kết ông V phạm tội với vai trò đồng phạm với bị cáo T5. Do đó không có căn cứ xác định cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với ông V. Đối với kháng cáo của người bị hại ông Phạm Việt Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 và ông Kiều Đ2 thì thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông P1 thì cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh sau đó đã chuyển cho ông Phạm Việt Đ 1,2 tỷ đồng, chuyển cho ông Lê Văn Đ1 500 triệu đồng; số tiền Tài lừa đảo của ông Phạm Việt Đ thì cơ quan tiến hành tố tụng đã chứng minh dòng tiền sau đó chuyển cho ông Lê Văn Đ1 700 triệu đồng và ông Kiều Đ2 900 triệu đồng. Số tiền được coi là vật chứng của vụ án và Toà án cấp sơ thẩm đã buộc ông Phạm Việt Đ, ông Lê Văn Đ1, ông Kiều Đ2 trả lại là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông

Trần Văn P1, ông Phạm Việt Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 và ông Kiều Đ2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo đã có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo kháng nghị. Mặt khác, những người vắng mặt đã có ý kiến trình bày, lời khai có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người liên quan theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tài R kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét việc rút kháng cáo của bị cáo T5 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn T5, bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị hại ông Trần Văn P1, ông Phạm Việt Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1, ông Kiều Đ2, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, người bị hại, người liên quan và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

[2.1.1] Bị cáo Nguyễn T5 là nhân viên Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đ5. Vào các ngày 27/3 và ngày 15/4/2024, do cần tiền trả nợ, Nguyễn T5 đã đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền đáo hạn ngân hàng, đã chiếm đoạt của ông Trần Văn P1 số tiền 4.000.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông Phạm Việt Đ số tiền 1.600.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là: 5.600.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2.1.2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn T5 14 năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của người bị hại ông Trần Văn P1 và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại ông Trần Văn P1 đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm để điều tra bổ sung, làm rõ vai trò của ông Nguyễn V, tránh bỏ lọt người phạm tội, thấy rằng:

[2.2.1] Bị cáo Nguyễn T5 và ông Trần Văn P1 nhiều lần hợp tác cho vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Vào ngày 26/3/2024, bị cáo T5 gọi điện cho ông Trần Văn P1 nói có khách hàng cần vay 4.000.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng A. Do tin tưởng như những lần cho vay đáo hạn khác, nên sáng ngày 27/3/2024, T5 nói ông P1 đến quan cà phê trên đường L gặp ông Nguyễn V (cha bị cáo T5) để thỏa thuận cho vay tiền. Sau khi ông P1 yêu cầu T5 cung cấp thông tin tài sản thế chấp tại Ngân hàng thì T5 gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn V, bà Huỳnh Thị L (cha mẹ bị cáo T5) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Thanh V2 qua Zalo cho ông P1 xem và nói 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đang thế chấp tại Ngân hàng A cần vay 4.000.000.000 đồng để đáo hạn. Tại thời điểm này, ông V - bà L và bà V2 đang thế chấp tài sản để vay tiền của Ngân hàng A là có thật.

[2.2.2] Sau khi ông P1 chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông V, thì ông V viết và ký 01 giấy mượn tiền ghi ngày 27/3/2024 giao cho ông P1 giữ với nội dung vay tiền là để đáo hạn ngân hàng A, thời hạn cho vay là 03 ngày từ 27/3/2024 đến ngày 29/3/2024.

[2.2.3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, thể hiện do bị cáo Nguyễn T5 đưa ra thông tin gian dối là nhờ ông Nguyễn Văn G và đứng tên vay tiền của ông Trần Văn P1 để T5 đáo hạn khoản vay thế chấp nhà, đất cho ông V tại Ngân hàng A nên ông V gặp ông Trần Văn P1 và ký vào Giấy vay tiền 4.000.000.000 đồng. Quá trình thỏa thuận vay tiền, Nguyễn T5 là người trực tiếp thỏa thuận với ông P1 và đưa ra thông tin gian dối để ông P1 tin tưởng chuyển tiền vào số tài khoản ngân hàng của ông V. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt T5 đã sử dụng cá nhân, ông V không biết và không hưởng lợi. Ông V do tin tưởng con mình làm ngân hàng nên mọi thủ tục giao cho T5 thực hiện, ông V không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T5, ông Văn C ký các thủ tục theo yêu cầu của T5 nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là có cơ sở. Do không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn N3 việc ông Nguyễn V và bà Huỳnh Thị L thực hiện việc chuyển nhượng đối với nhà đất tọa lạc tại H Mẹ N, Tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng là quyền thực hiện giao dịch dân

sự của ông V và bà L. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn P1.

[2.3] Xét kháng cáo của người bị hại Phạm Việt Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 và ông Kiều Đ2, thấy rằng:

[2.3.1] Đối với số tiền Nguyễn T5 đã đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt của ông Trần Văn P1 4.000.000.000 đồng:

[2.3.1.1] Trong ngày 27/3/2024, sau khi chiếm đoạt của ông Trần Văn P1, bị cáo T5 sử dụng nguồn tiền này chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn L1 2.800.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị Thanh H để trả nợ cho ông Phạm Việt Đ 1.200.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 2.800.000.000 đồng chuyển vào tài khoản thì ông Nguyễn L1 tiếp tục chuyển khoản cho ông Trần Xuân Đ3 1.500.000.000 đồng để trả nợ tiền Nguyễn L1 mua nhà trước đó; chuyển vào tài khoản số 0793362636 tại Ngân hàng A của ông Lê Văn Đ1 500.000.000 đồng để trả nợ cho bị cáo Nguyễn T5 và chuyển cho bị cáo Nguyễn T5 800.000.000 đồng.

[2.3.1.2] Do nguồn gốc số tiền bị cáo T5 chiếm đoạt của ông Trần Văn P1 và sử dụng tiền này trả nợ cho các cá nhân nêu trên là trái pháp luật; do đó Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS, Điều 89 BLTTHS buộc ông Nguyễn L1 phải nộp lại 1.500.000.000 đồng, ông Phạm Việt Đ phải nộp lại 1.200.000.000 đồng, Lê Văn Đ1 phải nộp lại 500.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Nguyễn T5 đối với bị hại ông Trần Văn P1 là đúng pháp luật.

[2.3.2] Đối với số tiền bị cáo Nguyễn T5 đã đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt của ông Phạm Việt Đ 1.600.000.000 đồng:

[2.3.2.1] Trong ngày 15/4/2024, sau khi chiếm đoạt của ông Phạm Việt Đ 1.600.000.000 đồng, bị cáo T5 sử dụng số tiền này chuyển vào tài khoản của bà Huỳnh Thị Kim T 700.000.000 đồng để trả nợ cho ông Lê Văn Đ1.

[2.3.2.2] Đối với số tiền 900.000.000 đồng T5 chuyển cho ông Kiều Đ2: Tại phiên toà phúc thẩm, ông Kiều Đ2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ2 cho rằng số tiền 900.000.000 đồng mà ông Nguyễn L1 chuyển cho ông Kiều Đ2 là số tiền ông L1 trả nợ của một hợp đồng vay trước đó; mặt khác sau khi bà Huỳnh Thị Kim T chuyển 900.000.000 đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Xuân N thì bà N đã chuyển sang một tài khoản khác của mình tại Ngân hàng M2. Sau đó, bà N vay tiền bằng một hợp đồng khác và chuyển cho T5 để từ đó chuyển cho ông Đ2. Vì vậy, cần huỷ bản án sơ thẩm để đưa Ngân hàng M2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời xác định việc ông L1 trả nợ ông Đ2 là một giao dịch dân sự nên ông Đ2 không có trách nhiệm phải nộp lại khoản tiền trên.

[2.3.2.3] Xét thấy, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập sao kê của các Ngân hàng, lời khai của những người liên quan, thể hiện: Đối với

một phần số tiền Tài chiếm đoạt của ông Phạm Việt Đ là 900.000.000đồng, T5 nhờ bà Huỳnh Thị Kim T chuyển cho bà Nguyễn Thị Xuân N, thì trong cùng ngày 15/4/2024 bà N đã chuyển lại cho T5 bằng 2 giao dịch, mỗi giao dịch 450.000.000đ (BL 569). Sau đó T5 lại chuyển cho L1 bằng 2 giao dịch, mỗi giao dịch 450.000.000đ, cùng với một giao dịch khác có số tiền 100.000.000đ (BL 575). Sau khi nhận được tiền thì L1 chuyển tiền vào tài khoản của KIEU THI PHUONG tại Ngân hàng TMCP Q bằng 3 giao dịch, mỗi giao dịch 300.000.000đ cùng với một giao dịch khác có số tiền 100.000.000đ (BL 558A). Các giao dịch chuyển tiền trên cùng thực hiện trong ngày 15/4/2024. Tại phiên toà, ông Kiều Đ2 xác nhận bà Kiều Thị P3 là em gái ruột của mình; bị cáo T5 khai số tiền trên là do T5 yêu cầu ông Nguyễn Lộc thay T5 trả nợ cho ông Kiều Đ2. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/11/2025 (BL 865) và tại phiên toà sơ thẩm ông Nguyễn L1 cũng thừa nhận việc T5 nhờ mình chuyển số tiền nêu trên để trả nợ cho ông Kiều Đ2.

[2.3.2.4] Do nguồn gốc số tiền trên bị cáo chiếm đoạt của ông Phạm Việt Đ mà có nên Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông Lê Văn Đ1 phải nộp lại 700.000.000 đồng và ông Kiều Đ2 phải nộp lại 900.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Nguyễn T5 đối với người bị hại ông Phạm Việt Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2.3.3] Từ các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người bị hại Phạm Việt Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 và ông Kiều Đ2.

[2.4] Tại phiên toà, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị hại ông Trần Văn P1, ông Phạm Việt Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 và ông Kiều Đ2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm này là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm:

[3.1] Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn T5 nên bị cáo Nguyễn T5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3.2] Kháng cáo của người bị hại ông Trần Văn P1 liên quan đến việc đề nghị quy kết hành vi của ông Nguyễn Văn phạm T6 với vai trò đồng phạm với bị cáo T5, không kháng cáo phần dân sự nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, dân sự phúc thẩm.

[3.3] Kháng cáo của người bị hại ông Phạm Việt Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 và ông Kiều Đ2 liên quan đến phần dân sự nhưng không được chấp nhận nên các ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 348; khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn T5, Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 31/01/2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn T5 có hiệu lực pháp luật kể từ hôm nay 08/6/2026.

- Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại ông Trần Văn P1 và ông Phạm Việt Đ, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 và ông Kiều Đ2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 31/01/2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn T5 **14 (mười bốn)** năm tù về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 06/11/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn T5 phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Trần Văn P1 780.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm bồi thường thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự;

4.1 Buộc các cá nhân sau đây phải nộp lại số tiền (đã nhận từ bị cáo Nguyễn T5) tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Nguyễn T5 đối với bị hại ông Trần Văn P1:

- Ông Nguyễn L1 phải nộp lại số tiền 1.500.000.000 đồng.
- Ông Lê Văn Đ1 phải nộp lại số tiền 500.000.000 đồng.
- Ông Phạm Việt Đ phải nộp lại số tiền 1.200.000.000 đồng.

Bị hại ông Trần Văn P1 được nhận lại số tiền 3.200.000.000 mà các cá nhân nêu trên phải có nghĩa vụ nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4.2 Buộc các cá nhân sau đây phải nộp lại số tiền (đã nhận từ bị cáo Nguyễn T5) tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Nguyễn T5 đối với bị hại ông Phạm Việt Đ:

- Ông Lê Văn Đ1 phải nộp lại số tiền 700.000.000 đồng.
- Ông Kiều Đ2 phải nộp lại số tiền 900.000.000 đồng.

Bị hại Phạm Việt Đ được nhận lại số tiền 857.000.000 mà ông Nguyễn L1 và ông Kiều Đ2 phải có nghĩa vụ nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Số tiền còn lại 1.600.000.000 đồng - 857.000.000 đồng = 743.000.000 đồng, cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Tài .

5. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn T5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Ông Trần Văn P1 không phải chịu án phí hình sự, dân sự phúc thẩm.
- Ông Phạm Việt Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đ đã nộp tại Biên lai số 0001649 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lê Văn Đ1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đ1 đã nộp tại Biên lai số 0001815 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Ông Kiều Đ2 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đ1 đã nộp tại Biên lai số 0001818 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1-CA Tp Đà Nẵng;
- CQTHAHS Tp Đà Nẵng;
- CQCSĐT Tp Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng